



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 08/4/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

*Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động
của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu*

1. Căn cứ.

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

2. Vấn đề.

- Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu hiện hành được ban hành theo Nghị quyết số 1318/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23/04/2019. Quy chế này được xây dựng chủ yếu dựa trên các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Hiện tại, các quy định của pháp luật liên quan điều chỉnh hoạt động của ngân hàng có sự thay đổi. Do đó, Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định mới.

3. Kiến nghị.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu theo dự thảo đính kèm.

Kính trình.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Huỳnh Nghĩa Hiệp

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Phụ lục 2: Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH SO VỚI QUY CHẾ HIỆN TẠI

1. Về bố cục

Dự thảo Quy chế điều chỉnh bổ sung (sau đây gọi tắt là Quy chế mới), gồm 7 Chương và 28 Điều, được thực hiện dựa trên Quy chế mẫu của Bộ tài chính (*ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP*).

(1) So với Quy chế mẫu

Có 08 điều khoản mà Quy chế mẫu không có, để phù hợp với Luật Các TCTD, hoạt động thực tế của ACB, cũng như kế thừa nội dung Quy chế hiện tại. Cụ thể:

- Điều 3. Giải thích từ ngữ (*kế thừa nội dung Quy chế cũ*)
- Điều 7. Đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát (*phù hợp với Luật Các TCTD, và kế thừa nội dung Quy chế cũ*)
- Điều 8. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ (*kế thừa Quy chế cũ và điều chỉnh cho phù hợp với Luật Các TCTD*)
- Điều 9. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ (*kế thừa Quy chế cũ và điều chỉnh cho phù hợp với Luật Các TCTD*)
- Điều 10. Đương nhiên mất tư cách (*kế thừa Quy chế cũ và điều chỉnh cho phù hợp với Luật Các TCTD*)
- Điều 15. Thay thế thành viên Ban kiểm soát (*kế thừa nội dung Quy chế cũ*)
- Điều 20. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát (*kế thừa nội dung Quy chế cũ*)
- Điều 30. Quy định chuyển tiếp (*phù hợp với Luật Các TCTD*)

(2) So với Quy chế hiện tại,

Quy chế mới bổ sung 09 Điều mới, để phù hợp với Thông tư 116, gồm:

- Điều 12. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (*Nội dung theo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ*)
- Điều 13. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (*Nội dung theo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ*)
- Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (*Nội dung theo TT 116*)
- Điều 18. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát (*Nội dung theo TT 116*)
- Điều 19. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông (*Nội dung theo Điều lệ, Luật Các TCTD và TT 116*)
- Điều 23. Trình báo cáo hằng năm (*Nội dung tóm gọn cho phù hợp*)
- Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát (*Nội dung theo TT 116*)

- Điều 27. Mối quan hệ với ban điều hành (*Nội dung theo TT 116*)
- Điều 28. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị (*Nội dung theo TT 116*)

Bỏ 01 điều khoản là Điều 2. Ban kiểm soát (*Nội dung chung về chức năng nhiệm vụ, và được nêu trong điều khoản về nhiệm vụ, quyền hạn của BKS – Điều 17*)

Gộp 02 điều về số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát thành 01 điều.

2. Về nội dung

- Phần này, không bao gồm 09 điều khoản bổ sung (so với Quy chế hiện tại) nêu trên; số thứ tự của điều khoản có điều chỉnh nội dung là số thứ tự của điều khoản trong Quy chế hiện tại.

STT	Nội dung quy chế hiện tại	Đề xuất điều chỉnh/bổ sung	Lý do
I	Điều 4. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
1	4. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.	4. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại Luật Các TCTD.	Phù hợp với điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng
2	5. Công ty con của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật CTCTD.	5. Công ty con của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật CTCTD.	Phù hợp với điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng
II	Điều 6. Số lượng thành viên Ban kiểm soát	Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	
1	1. BKS của Ngân hàng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của Ngân hàng quy định, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. 2. Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng thì trong thời hạn 60 ngày , kể từ ngày không đủ số	2. BKS của Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên BKS không đủ số thành viên tối thiểu thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày , kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD.	Theo quy định tại Điều 51 Luật Các TCTD

	lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS		
III	Đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS	Điều 9. Đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát	
1	Quy định trong Phụ lục	<p>Thành viên BKS của Ngân hàng phải:</p> <p>1. <i>Chính trực</i>: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;</p> <p>2. <i>Khách quan</i>: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;</p> <p>3. <i>Bảo mật</i>: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>4. <i>Trách nhiệm</i>: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;</p> <p>5. <i>Thận trọng</i>: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố: mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung công việc thực hiện; khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc.</p>	Đưa nội dung Phụ lục tại Quy chế cũ, vào thành 01 Điều trong Quy chế mới.
IV	Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	
1	1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật CTCTD;	1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật CTCTD;	Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD

2	2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;	2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;	Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD
3	3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên HĐQTV, thành viên BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trù trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng:	3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên , thành viên BKS của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trù trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;	Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD
4	4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trù trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;	Bỏ nội dung này	Luật Các TCTD (mới) đã bỏ nội dung này.
5	5. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQTV, thành viên HĐQTV, Trưởng BKS, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;	4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của BKS; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ	Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD

		quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;	
6	Chưa quy định	5. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.	Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD
7	6. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc không được là thành viên BKS của cùng Ngân hàng.	6. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc của Ngân hàng.	Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD
V	Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	
	Trưởng BKS không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: 1. Thành viên HĐQT, thành viên HĐQTV, người điều hành, nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng giám đốc của Ngân	Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: 1. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng; 2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội	Theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Các TCTD

	<p>hàng là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>2. Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên BKS của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, thành viên HĐQT, người điều hành tại tổ chức tín dụng.</p>	<p>đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</p>	
VI	Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm (thành Điều 8 của Quy chế mới)	Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	
	<p>Thành viên BKS phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật CTCTD;</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>4. Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;</p> <p>5. Thành viên BKS chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Thành viên BKS phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;</p> <p>3. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;</p> <p>5. Trưởng BKS phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Các TCTD</p>
VII	Điều 10. Đương nhiên mất tư cách	Điều 12. Đương nhiên mất tư cách	

	<p>1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên BKS:</p> <p>a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật CTCTD về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.</p>	<p>1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên BKS:</p> <p>a. Chết;</p> <p>b. Vi phạm quy định tại Điều 10 của Quy chế này;</p> <p>c. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>d. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 45 Luật Các TCTD.</p> <p>Nội dung điểm c và điểm d (theo Quy chế cũ), là áp dụng cho thành viên HĐQT, không phải BKS, nên đề xuất bỏ.</p>
VIII	Điều 11. Bãi nhiệm, miễn nhiệm	Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	
	<p>1. Trưởng ban, thành viên khác của BKS Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của Ngân hàng;</p> <p>c. Không tham gia hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật CTCTD;</p> <p>e. Các trường hợp khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.</p>	<p>1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 12 Quy chế này, Trưởng ban kiểm soát, thành viên khác của BKS Ngân hàng bị Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của Ngân hàng;</p> <p>b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 8 của Quy chế này;</p>	<p>Theo quy định tại Điều 46 Luật Các TCTD.</p> <p>Nội dung điểm a của Quy chế cũ, thuộc trường hợp đương nhiên mất tư cách, đã được quy định tại khoản 1 Điều 12 (Quy chế mới)</p>

	<p>2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của BKS của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>d. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.</p> <p>2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của BKS vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p>	
IX	Điều 12. Thay thế thành viên BKS	Điều 17. Thay thế thành viên Ban kiểm soát	
	<p>2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến BKS và HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS mới theo quy định hiện hành.</p>	<p>2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến BKS và HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng BKS mới theo quy định hiện hành.</p>	<p>- Có đơn xin từ chức là “miễn nhiệm”, không phải “bãi nhiệm”. (theo khoản 1 Điều 46 Luật Các TCTD)</p>
	<p>4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên BKS hoặc không đủ số thành viên BKS tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên BKS.</p>	<p>4. Trường hợp BKS có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này thì BKS đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để tiến hành bầu bổ sung. Ngân hàng phải bảo đảm số thành viên tối thiểu của BKS theo quy định trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Luật Các TCTD</p>
X	Điều 13. Công khai các lợi ích có liên quan	Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan	

1	<p>1. Thành viên BKS phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành viên HĐQTV, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p>	<p>1. Thành viên BKS phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Các TCTD</p>
2	<p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực</p>	<p>2. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện bằng văn bản. Cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy)</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Các TCTD</p>

	hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin	ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Thành viên BKS phải đảm bảo thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin của mình.	
3	3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông,	Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Các TCTD
XI	Điều 14. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên BKS	Điều 22. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	
1	Thành viên chuyên trách của BKS, thành viên BKS không phải là cổ đông được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên BKS khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên BKS do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên BKS được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên BKS và số phí công vụ mà mỗi thành viên BKS đã nhận được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng.	1. Thành viên BKS được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS; 2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ , và các chi phí khác với mức hợp lý theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	Viết lại theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp

		3. Thù lao của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
XII	Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS	Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát	
1	1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ , Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ Ngân hàng .	Theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Các TCTD
2	2. Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.	2. Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán và báo cáo.	Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Các TCTD
3	3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý , điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị , điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS .	Theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Các TCTD

4	4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng: báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	4. Giám sát thực trạng tài chính , thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng: báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	Theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Các TCTD
5	Chưa quy định	5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.	Theo quy định tại khoản 5 Điều 52 Luật Các TCTD
6	Chưa quy định	6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.	Theo quy định tại khoản 6 Điều 52 Luật Các TCTD
7	5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ	7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc theo yêu cầu Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc,	Theo quy định tại khoản 7 Điều 52 Luật Các TCTD

	ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.	kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.	
8	6. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.	8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông , HĐQT khi phát hiện người quản lý , người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).	Theo quy định tại khoản 8 Điều 52 Luật Các TCTD
9	7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của Ngân hàng: lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 5 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập , cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên ; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	Theo quy định tại khoản 9 Điều 52 Luật Các TCTD
10	Chưa quy định	13. Kịp thời báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.	Theo quy định tại khoản 13 Điều 52 Luật Các TCTD
XIII	Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát	Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát	
1	1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Luật CTCTD.	2.a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Luật CTCTD và chịu	Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Các TCTD

		trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	
2	5. Tham dự cuộc họp HĐQT phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.	e. Tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.	Theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Luật Các TCTD
3	7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.	g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.	Theo quy định tại khoản 7 Điều 53 Luật Các TCTD
4	10. Ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.	j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.	Theo quy định tại khoản 10 Điều 53 Luật Các TCTD
XIV	Điều 17. Quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS (thành Điều 4 của Quy chế mới)	Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	
1	1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.	1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Các TCTD
2	Chưa quy định	5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành tổ chức tín dụng.	Theo quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật Các TCTD

3	5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.	6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành , nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.	Theo quy định tại khoản 6 Điều 54 Luật Các TCTD
4	8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.	9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.	Theo quy định tại khoản 9 Điều 54 Luật Các TCTD
XV	Điều 18. Hợp BKS	Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát	
1	2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của: a. Chủ tịch HĐQT; b. Trưởng BKS; c. Thành viên BKS; d. Tổng giám đốc; e. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.	2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của: a. Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên HĐQT; b. Trưởng BKS; c. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên BKS; d. Tổng giám đốc; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Phù hợp với quy định của Điều lệ Ngân hàng
2	(7.d).Bất kỳ thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó..	Lược bỏ	Không phù hợp với thực tế.
XVI	Điều 21. Hiệu lực thi hành	Điều 27. Hiệu lực thi hành	
1	1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.	1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua, và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 1318/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu.	Phù hợp với thực tế

2	2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho BKS thực hiện việc sửa đổi, bổ sung và phê chuẩn các nội dung cần thiết của Quy chế này theo quy định của pháp luật.	Bổ nội dung này	Không phù hợp, theo văn bản thông báo số 913 ngày 23/02/2022 của UBCKNN
XVII	Quy định chuyển tiếp	Điều 28. Quy định chuyển tiếp	
3	Chưa quy định	Trường hợp BKS nhiệm kỳ hiện tại đã được bầu phù hợp với các quy định pháp luật, nhưng chưa đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn thành viên theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này, được tiếp tục duy trì số lượng thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.	Theo quy định tại khoản 8 Điều 210 Luật Các TCTD

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Chương II BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

Điều 6. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát

Chương III THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Điều 9. Đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát

Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Điều 12. Đương nhiên mất tư cách

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

Điều 15. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Điều 17. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 20. Biên bản họp Ban kiểm soát

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Điều 22. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành

Điều 26. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều 28. Quy định chuyển tiếp

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ. ngày tháng năm của Đại
hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng TMCP Á Châu (“*Ngân hàng*”) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Ban kiểm soát (BKS) thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT).
2. BKS tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “*Người điều hành Ngân hàng*” bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
2. “*Người quản lý Ngân hàng*” bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị (“HĐQT”); Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
3. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
4. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân được quy định tại Luật Các TCTD.

5. “*Công ty con của Ngân hàng*” là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Luật Các TCTD.
6. “*Luật Các TCTD*”, là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Các thuật ngữ, từ ngữ viết tắt trong Quy chế này nếu không được quy định, giải thích tại Quy chế này thì được giải thích theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định của pháp luật.

Chương II

BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ Ngân hàng.
2. Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán và báo cáo.
3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.
4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng: báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

- a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - b. Theo yêu cầu Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, HĐQT khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
 9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 5 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
 10. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
 11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
 13. Kịp thời báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.
 14. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 6. Bộ máy giúp việc của Ban kiểm soát

BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương III

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. BKS của Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên BKS không đủ số thành viên tối thiểu thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD.
3. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD.
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.
3. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
4. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.
5. Trưởng BKS phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 9. Đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên BKS của Ngân hàng phải:

1. *Chính trực*: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;
2. *Khách quan*: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;
3. *Bảo mật*: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;
4. *Trách nhiệm*: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;
5. *Thận trọng*: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố: mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung công việc thực hiện; khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc.
6. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên BKS của Ngân hàng:

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Các TCTD.
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của BKS; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
5. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành,

cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

6. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Ngân hàng.

Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

1. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT của Ngân hàng là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

Điều 12. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên BKS:
 - a. Bị chết;
 - b. Vi phạm quy định tại Điều 10 của Quy chế này;
 - c. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - d. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
2. HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên BKS đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên BKS đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên BKS của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Luật Các TCTD và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

- c. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.
- d. Thay mặt BKS triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 11 Điều 52 Luật Các TCTD hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.
- e. Tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.
- h. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
- i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS.
3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng BKS về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.

8. Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 15. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 12 Quy chế này, Trưởng ban kiểm soát, thành viên khác của BKS Ngân hàng bị Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của Ngân hàng;
 - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 8 của Quy chế này;
 - d. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của BKS vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách thành viên BKS, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng BKS.
2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến BKS và HĐQT. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng BKS mới theo quy định hiện hành.
3. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến BKS và HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp BKS có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này thì BKS đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để tiến hành bầu bổ sung. Ngân hàng phải bảo đảm số thành viên tối thiểu của BKS theo quy định trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên HĐQT;
 - b. Trưởng BKS;
 - c. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên BKS;
 - d. Tổng giám đốc;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm a, c, d, e Khoản 2 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau 02 (hai) lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, HĐQT và các thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp BKS được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp BKS được tiến hành chậm nhất sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên BKS. Thông báo về cuộc họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS và cả các phiếu bầu cho những thành viên BKS không thể dự họp. Những thành viên BKS này sẽ gửi phiếu bầu cho BKS trước khi họp.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên BKS được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp BKS không đủ

số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên BKS.

7. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu thành viên BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT và cuộc họp BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
10. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b. Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.

Điều 20. Biên bản họp Ban kiểm soát

Cuộc họp BKS phải được lập chi tiết và rõ ràng, ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp BKS. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp BKS cho các thành viên BKS và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp BKS trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 22. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ, và các chi phí khác với mức hợp lý theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên BKS phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện bằng văn bản. Cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Thành viên BKS phải đảm bảo thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin của mình.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban điều hành

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 26. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 27. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua. và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 1318/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Điều 28. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp BKS nhiệm kỳ hiện tại được bầu phù hợp với các quy định của pháp luật, nhưng chưa đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn thành viên theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Quy chế này, được tiếp tục duy trì số lượng thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)